

Số: /ĐL-CTDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

ĐIỀU LỆ
Giải vô địch các câu lạc bộ Karate quốc gia
lần thứ XXIV năm 2024

I. MỤC ĐÍCH

- Phát triển phong trào tập luyện Karate tại các câu lạc bộ trên toàn quốc.
- Phát hiện và tuyển chọn các vận động viên trẻ xuất sắc, chuẩn bị lực lượng kế cận cho các đại hội thể thao SEA Games, Asiad và Olympic tới.
- Kiểm tra, đánh giá năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ huấn luyện viên, trọng tài, cán bộ quản lý trong công tác huấn luyện và tổ chức thi đấu.

II. ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN THI ĐẤU

- Thời gian: Từ ngày 9/7 đến 18/7/2024.
- Địa điểm: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ

- Các địa phương, ngành trên toàn quốc được cử tối đa 06 câu lạc bộ tham dự.
- Các vận động viên tham dự nộp hồ sơ gồm:
 - Các vận động viên tham dự phải có giấy chứng nhận trình độ chuyên môn đai đen 1 (một đẳng) trở lên do Tổng cục Thể dục thể thao và Cục Thể dục thể thao cấp (không tính vận động viên 10 tuổi)
 - Thẻ vận động viên do Tổng cục Thể dục thể thao và Cục Thể dục thể thao cấp, giấy khám sức khỏe vận động viên do y tế cấp tỉnh, thành và các ngành xác nhận đủ sức khỏe thi đấu thể thao (không quá 60 ngày tính đến ngày tổ chức thi đấu).
 - Mỗi vận động viên nộp 01 ảnh 3 x 4 gửi cùng mẫu đăng ký thi đấu chính thức (theo mẫu ban hành theo Điều lệ).
- Các vận động viên phải tự trang bị:
 - Võ phục; bít răng; bảo vệ hạ bộ; bảo vệ cơ thể; găng thi đấu, bảo vệ ống chân và bàn chân, đai thi đấu: 2 màu xanh, đỏ.
 - Các trang thiết bị thi đấu của vận động viên theo quy định của Liên đoàn Karate thế giới (WKF) hoặc do các công ty của Việt Nam sản xuất gồm: Công ty Tanmido, công ty Lions Product, công ty Bushido, công ty Shogun, công ty Budo, công ty Taburo, công ty TNHH AV Martial Arts, công ty Rikaido, công ty Fujido.

4. Lệ phí vận động viên:

- Lệ phí thi đấu: 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng)/ 01 nội dung cá nhân; 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)/ 01 nội dung đồng đội.

- Lệ phí bảo hiểm: Các đơn vị tham dự tự mua bảo hiểm y tế cho các vận động viên đơn vị mình và trình cho Ban tổ chức trước ngày thi đấu.

IV. NỘI DUNG THI ĐẤU

1. Từ 10 tuổi đến 11 tuổi: (tính từ 01/01/2013 đến 31/12/2014):

- Kata cá nhân nam, nữ
- Kata đồng đội nam, nữ
- Kata đồng đội hỗn hợp nam, nữ
- Kumite cá nhân nam: 30kg, 35kg, 40kg, 45kg, trên 45kg.
- Kumite cá nhân nữ: 30kg, 35kg, 40kg, 45kg, trên 45kg.

2. Từ 12 đến 14 tuổi: (tính từ 01/01/2010 đến 31/12/2012):

- Kata cá nhân nam, nữ.
- Kata đồng đội nam, nữ.
- Kata đồng đội hỗn hợp nam, nữ.
- Kumite cá nhân nam: Đến 40kg, 44kg, 48kg, 52 kg, 56kg, 60kg, trên 60kg .
- Kumite cá nhân nữ : Đến 36kg, 40kg, 44kg, 48kg, 52 kg, 56kg, trên 56kg.

3. Từ 15 đến 17 tuổi: (tính từ 01/01/2007 đến 31/12/2009):

- Kata cá nhân nam, nữ.
- Kata đồng đội nam, nữ.
- Kata đồng đội hỗn hợp nam, nữ.
- Kumite cá nhân nam: 50kg, 54kg, 58kg, 62 kg, 66kg, 70kg, 74kg, trên 74kg .
- Kumite cá nhân nữ : 44kg, 47kg, 50kg, 53kg, 56kg, 59kg, 62kg, trên 62kg .
- Kumite đồng đội nam, nữ.

4. Từ 18 tuổi trở lên (tính trước 01/01/2006):

- Kata cá nhân nam, nữ.
- Kata đồng đội nam, nữ.
- Kata đồng đội hỗn hợp nam, nữ.
- Kumite cá nhân nam: 50kg, 54kg, 58kg, 62kg, 66kg, 70kg, 74kg, 78kg, 82kg, 86kg và trên 86kg.

- Kumite cá nhân nữ : 44kg, 47kg, 50kg, 53kg, 56kg, 59kg, 62kg, 65kg, 68kg và trên 68kg.

- Kumite đồng đội nam, nữ.

5. Từ 35 tuổi trở lên (tính theo năm sinh):

- Kata cá nhân nam: 02 vận động viên/câu lạc bộ.

- Kata cá nhân nữ: 02 vận động viên/câu lạc bộ.

6. Mỗi nội dung thi đấu phải có từ 03 vận động viên, 03 đội trở lên mới tổ chức thi đấu.

V. LUẬT THI ĐẤU

Thi đấu theo Luật Karate của Liên đoàn Karate thế giới (WKF) do Cục Thể dục thể thao ban hành năm 2024 và các văn bản bổ sung Luật mới.

VI. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

1. Khen thưởng:

a) Cục Thể dục thể thao trao:

- Cờ nhất, nhì, ba từng lứa tuổi cho đội (câu lạc bộ) nhất, nhì, ba (tính theo tổng số huy chương vàng, bạc, đồng, trường hợp có số huy chương vàng, bạc và đồng bằng nhau thì tính thứ tự xếp hạng tiếp theo của các nội dung trong lứa tuổi) tại các lứa tuổi quy định trong điều lệ.

- Huy chương vàng, huy chương bạc và 02 huy chương đồng và giấy chứng nhận thành tích cho các nội dung thi Kata, Kumite cá nhân, đồng đội.

- Ở những nội dung thi chỉ có 03 vận động viên hoặc 03 đội tham dự trao huy chương vàng, huy chương bạc và 01 huy chương đồng cho vận động viên hoặc đội nhất, nhì, ba.

b) Cục Thể dục thể thao sẽ phong cấp cho các vận động viên đạt thành tích theo quy định.

2. Kỷ luật:

- Đối với vận động viên: Trong quá trình thi đấu nếu vi phạm đạo đức sẽ bị Ban tổ chức truất quyền thi đấu và tước bỏ các danh hiệu đạt được, bị cấm thi đấu trong cả giải tùy theo mức độ vi phạm.

- Đối với huấn luyện viên: Là người chịu trách nhiệm trong việc đăng ký, chỉ đạo vận động viên nếu không gương mẫu trong hành vi đạo đức hoặc cố tình gây mâu thuẫn, mất đoàn kết sẽ bị Ban tổ chức kỷ luật từ cảnh cáo đến truất quyền chỉ đạo thi đấu.

- Đối với trọng tài: Trọng tài làm nhiệm vụ vi phạm đạo đức (không trung thực hoặc có hành vi thiếu công bằng và khách quan) sẽ tùy theo mức độ vi phạm mà bị các hình thức kỷ luật từ cảnh cáo đến truất quyền làm nhiệm vụ.

- Các hình thức kỷ luật trên sẽ có văn bản thông báo đến các địa phương, ngành chủ quản để xử lý.

3. Khiếu nại:

Theo quy định trong Luật Karate do Cục Thể dục thể thao ban hành năm 2024 và các văn bản bổ sung.

- Chỉ có huấn luyện viên trưởng mới có quyền khiếu nại bằng văn bản kèm theo lệ phí 2.000.000 đồng (hai triệu đồng chẵn).

- Nếu khiếu nại về nhân sự phải nộp đơn trước khi bốc thăm, xếp lịch.

- Nếu khiếu nại về kỹ thuật phải nộp đơn trong vòng 05 phút sau khi trận đấu kết thúc.

- Ban tổ chức phải giải quyết ngay khi có đơn khiếu nại và thời gian giải quyết, quyết định khiếu nại không quá 60 phút.

- Các quyết định của Ban tổ chức về vấn đề khiếu nại mọi cá nhân, đơn vị có liên quan phải tuyệt đối chấp hành.

VII. TRỌNG TÀI

1. Trọng tài tham gia điều hành giải do Cục Thể dục thể thao điều động.

2. Các trọng tài phải có giấy chứng nhận sức khỏe do y tế cấp tỉnh, thành, ngành xác nhận (không quá 60 ngày tính đến ngày tổ chức thi đấu).

3. Trọng tài làm nhiệm vụ phải mang: Sổ trọng tài, trang phục trọng tài đúng quy định, võ phục đối với trọng tài Kata.

VIII. KINH PHÍ

1. Các địa phương, ngành tham dự giải chịu toàn bộ kinh phí ăn, ở, di chuyển, lệ phí thi đấu, lệ phí bảo hiểm cho các thành viên toàn đoàn.

2. Địa phương đăng cai chi kinh phí tổ chức giải.

3. Cục Thể dục thể thao chi:

- Tiền ăn, ở, tiền làm nhiệm vụ, tiền di chuyển cho Ban tổ chức Trung ương.

- Chi tiền ăn, ở, tiền làm nhiệm vụ cho trọng tài do Cục Thể dục thể thao điều động và các khoản chi khác.

4. Các kinh phí: Tiền huy chương; số đeo vận động viên; tiền văn phòng phẩm, mực in; cờ lưu niệm; cờ toàn đoàn các nhóm tuổi; thẻ VĐV, HLV, trọng

tài; giấy chứng nhận thành tích VĐV lấy từ nguồn thu lệ phí thi đấu và các khoản chi khác.

IX. ĐĂNG KÝ THI ĐẤU

1. Thời gian đăng ký: Các đoàn tham dự phải gửi 01 bản đăng ký chính thức trước ngày 29/6/2024 (theo dấu bưu điện nơi nhận).

2. Nơi nhận hồ sơ: Bộ môn Karate, Cục Thể dục thể thao, 36 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

ĐT: (04) 37472075 - 0981661971

Email: sonhakarate@yahoo.com

X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, cần phản ánh kịp thời đến Cục Thể dục thể thao xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Cục (để báo cáo);
- Sở VH&DL, Sở VH&TT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an;
- Lưu: VT, TTTTCI, H.50.

TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO I

Hoàng Quốc Vinh

MẪU ĐĂNG KÝ THI ĐẤU (VẬN ĐỘNG VIÊN NAM)
GIẢI VÔ ĐỊCH CÁC CÂU LẠC BỘ MẠNH KARATE QUỐC GIA NĂM 2024

Đơn vị :.....
 Trưởng đoàn :.....
 Huấn luyện viên :.....
 Tổng số VĐV nam tham dự :.....

TT	Nội dung thi đấu	Họ và Tên	Năm sinh	Mã số thẻ
I. Lứa tuổi 10-11 tuổi				
1	Kata cá nhân nam			
2	Kata đồng đội nam			
3	Kata đồng đội hỗn hợp nam, nữ			
4	Kumite 30kg			
5	Kumite 35kg			
6	Kumite 40kg			
7	Kumite 45kg			
8	Kumite trên 45kg			
II. Lứa tuổi 12-14 tuổi				
1	Kumite cá nhân nam hạng 40kg			
2	Kumite cá nhân nam hạng 44kg			
3	Kumite cá nhân nam hạng 48kg			
4	Kumite cá nhân nam hạng 52kg			
5	Kumite cá nhân nam hạng 56kg			
6	Kumite cá nhân nam hạng 60kg			
7	Kumite cá nhân nam hạng +60kg			
8	Kata cá nhân nam			
9	Kata đồng đội nam			
10	Kata đồng đội hỗn hợp nam, nữ			
III. Lứa tuổi 15-17 tuổi				
1	Kumite cá nhân nam hạng 50kg			
2	Kumite cá nhân nam hạng 54kg			
3	Kumite cá nhân nam hạng 58kg			
4	Kumite cá nhân nam hạng 62kg			
5	Kumite cá nhân nam hạng 66kg			
6	Kumite cá nhân nam hạng 70kg			
7	Kumite cá nhân nam hạng 74kg			
8	Kumite cá nhân nam hạng +74kg			
9	Kata cá nhân nam			
10	Kata đồng đội nam			
11	Kata đồng đội hỗn hợp nam, nữ			
12	Kumite đồng đội nam			
IV. Lứa tuổi 18 tuổi trở lên				
1	Kumite cá nhân nam hạng 50kg			
2	Kumite cá nhân nam hạng 54kg			
3	Kumite cá nhân nam hạng 58kg			
4	Kumite cá nhân nam hạng 62kg			
5	Kumite cá nhân nam hạng 66kg			
6	Kumite cá nhân nam hạng 70kg			
7	Kumite cá nhân nam hạng 74kg			

8	Kumite cá nhân nam hạng 78kg			
9	Kumite cá nhân nam hạng 82kg			
10	Kumite cá nhân nam hạng 86kg			
11	Kumite cá nhân nam hạng +86kg			
12	Kata cá nhân nam			
13	Kata đồng đội nam			
14	Kata đồng đội hỗn hợp nam, nữ			
15	Kumite đồng đội nam			
V. Lứa tuổi 35 tuổi trở lên				
1	Kata cá nhân nam (02VĐV)/câu lạc bộ			

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

MẪU ĐĂNG KÝ THI ĐẤU (VẬN ĐỘNG VIÊN NỮ)
GIẢI VÔ ĐỊCH CÁC CÂU LẠC BỘ MẠNH KARATE TOÀN QUỐC GIA NĂM 2024

Đơn vị :.....

Trưởng đoàn :.....

Huấn luyện viên :.....

Tổng số VĐV nữ tham dự :.....

TT	Nội dung thi đấu	Họ và Tên	Năm sinh	Mã số thẻ
I. Lứa tuổi 10-11 tuổi				
1	Kata cá nhân nữ			
2	Kata đồng đội nữ			
3	Kata đồng đội hỗn hợp nam, nữ			
4	Kumite 30kg			
5	Kumite 35kg			
6	Kumite 40kg			
7	Kumite 45kg			
8	Kumite trên 45kg			
II. Lứa tuổi 12-14 tuổi				
1	Kumite cá nhân nữ hạng 36kg			
2	Kumite cá nhân nữ hạng 40kg			
3	Kumite cá nhân nữ hạng 44kg			
4	Kumite cá nhân nữ hạng 48kg			
5	Kumite cá nhân nữ hạng 52kg			
6	Kumite cá nhân nữ hạng 56kg			
7	Kumite cá nhân nữ hạng +56kg			
8	Kata cá nhân nữ			
9	Kata đồng đội nữ			
10	Kata đồng đội hỗn hợp nam, nữ			
III. Lứa tuổi 15-17 tuổi				
1	Kumite cá nhân nữ hạng 44kg			
2	Kumite cá nhân nữ hạng 47kg			
3	Kumite cá nhân nữ hạng 50kg			
4	Kumite cá nhân nữ hạng 53kg			
5	Kumite cá nhân nữ hạng 56kg			
6	Kumite cá nhân nữ hạng 59kg			
7	Kumite cá nhân nữ hạng 62kg			
8	Kumite cá nhân nữ hạng +62kg			
9	Kata cá nhân nữ			
10	Kata cá nhân nữ			
11	Kata đồng đội nữ			
12	Kumite đồng đội nữ			
IV. Lứa tuổi trên 18 tuổi				
1	Kumite cá nhân nữ hạng 44kg			
2	Kumite cá nhân nữ hạng 47kg			
3	Kumite cá nhân nữ hạng 50kg			
4	Kumite cá nhân nữ hạng 53kg			
5	Kumite cá nhân nữ hạng 56kg			
6	Kumite cá nhân nữ hạng 59kg			

7	Kumite cá nhân nữ hạng 62kg			
8	Kumite cá nhân nữ hạng 65kg			
9	Kumite cá nhân nữ hạng 68kg			
10	Kumite cá nhân nữ hạng +68kg			
11	Kata cá nhân nữ			
12	Kata đồng đội nữ			
13	Kumite đồng đội nữ			
V. Lứa tuổi 35 tuổi trở lên				
1	Kata cá nhân nữ (02VĐV)/câu lạc bộ			

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)